

Bản án số: 183/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

2. Bà **LÊ THỊ LAN**

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 563/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **BÙI THỊ THANH T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 58/14 NTT, kp1, phường AL A, quận BT, thành phố HCM.

* Bị đơn: Anh **NGUYỄN HOÀNG N**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị T có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 23/7/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh N xác lập quan hệ vợ chồng năm 2008, có đăng ký kết hôn vào năm 2010, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng chị, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh N.

+ Về con chung : Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 8/9/2010 và cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/12/2016 khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo tờ khai ngày 02/8/2018 phía bị đơn anh Nguyễn Hoàng N trình bày:

Anh và chị T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2010, chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm nên không sống chung được, anh chị có hai con chung theo lời chị T trình bày là đúng, hiện hai cháu do chị T nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, con

chung anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi 02 con chung, anh không phải cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên, còn anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Hoàng N có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Bùi Thị Thanh T và anh Nguyễn Hoàng N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn vào năm 2010. Theo lời chị T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay, nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng chị, chị nhiều lần cho cơ hội nhưng anh N không sửa đổi, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nay chị xin ly hôn anh N. Còn phía anh N có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, tuy nhiên theo tờ tự khai anh cung cấp cho Tòa án đề ngày 02/8/2018 anh cũng xác định anh và chị T chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào năm 2010, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhiều quan điểm, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy chị T và anh N đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài từ năm 2014 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ được, anh chị cũng có ý kiến thống nhất ly hôn, tại phiên tòa hôm nay phía chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N, còn phía anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, cho chị được ly hôn anh N là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 8/9/2010 và cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/12/2016, tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, phía anh N vắng mặt, tuy nhiên tại tờ khai ngày 02/8/2018 anh cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi 02 con chung, mặc khác qua tham khảo ý kiến của cháu Ph cũng có nguyện vọng sống với chị T nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Xét thấy từ khi anh N và chị T ly thân 02 con chung do chị T nuôi dưỡng đã ổn định, hai cháu vẫn phát triển tốt bình thường, do vậy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của 02 con chung nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị T nuôi là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xác định đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thanh T.
Cho chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng N.

2/ Về con chung:

- Giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 08/9/2010 và cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/12/2016 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Nguyễn Hoàng N được quyền tới lui thăm hai con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí:

Chị Bùi Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 09068 ngày 31/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nội nhần:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH